

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/9/2022.  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Đức Chung.

Ông Phạm Văn Huynh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Linh Thu Hồng - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:**

Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 237/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Diễm L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 75, xóm 2, thôn Phú Lộc, xã Phú H, huyện Đức T, tỉnh Lâm Đồng.

**- Bị đơn:** Anh Hoàng Trọng Th, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 1818/28, ấp 1, xã Phước T, huyện L, Đồng Nai.

(Chị L và anh Th vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Diễm L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Trọng Th tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú H, huyện Đức T, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu trầm trọng từ đầu năm 2019. Nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Th nhiều lần nói chuyện làm cho chị cảm thấy tuyệt vọng, mặc dù chị nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Hiện

chị và anh Th đã ly thân và không còn quan tâm nhau nữa. Xét thấy muôn thuở vợ chồng đã trầm trọng nên chị làm đơn xin ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có hai con chung là Hoàng Kh, sinh ngày 17/8/2013 và Hoàng Â, sinh ngày 19/01/2020. Nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho hai con chung (mỗi cháu 1.500.000 đồng).

Về tài sản chung: Chị L khai không có;

Về nợ chung: Chị L khai không có.

Chị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không hợp tác nên không có lời khai của bị đơn.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Diễm L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về sự có mặt và vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Phạm Thị Diễm L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hoàng Trọng Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Hoàng Trọng Th có nơi cư trú tại xã Phước T, huyện L, tỉnh Đồng Nai, chị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Th. Đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Th kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22 ngày 26 tháng 9 năm 2012 nên là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, chị L và anh Th có những bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện cả hai đã ly thân không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị L và anh Th tồn tại nhiều mâu thuẫn cả hai đã sống ly thân, Tòa án nhiều lần triệu tập anh Th và chị L để hòa giải, nhưng anh Th không hợp tác thể hiện thiện chí không muốn đoàn tụ. Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị L và anh Th có hai con chung là Hoàng Kh, sinh ngày 17/8/2013 và Hoàng Ân, sinh ngày 19/01/2020. Chị L yêu cầu được nuôi cả hai con chung, và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi mỗi tháng 3.000.000 đồng cho hai cháu (mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng)

Xét, yêu cầu nuôi con của chị L nhận thấy: Hiện chị L có mức thu nhập và chỗ ở ổn định có khả năng nuôi con. Các cháu Kh và Ân đang sống cùng chị L và được chị nuôi dạy tốt. Hơn nữa cháu Kh có nguyện vọng được ở với mẹ, còn đối với cháu Ân chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cho chị L chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị L. Giao các cháu Hoàng Kh, sinh ngày 17/8/2013 và Hoàng Ân, sinh ngày 19/01/2020 cho chị Phạm Thị Diễm L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy với mức cấp dưỡng hàng tháng 1.500.000 đồng cho mỗi cháu là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát huyện Long Thành phù hợp chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị Phạm Thị Diễm L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 277, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

*Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Diễm L, xử cho chị L được ly hôn anh Hoàng Trọng Th.

*Về con chung:* Giao cháu Hoàng Kh, sinh ngày 17/8/2013 và cháu Hoàng Á, sinh ngày 19/01/2020 cho chị Phạm Thị Diễm L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Hoàng Trọng Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho hai con chung (mỗi cháu là 1.500.000 đồng).

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

*Tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Diễm L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005470 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị Phạm Thị Diễm L đã nộp đủ án phí.

Anh Hoàng Trọng Th phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày chị Phạm Thị Diễm L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Hoàng Trọng Th không thanh toán số tiền cấp dưỡng nêu trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Chị Phạm Thị Diễm L và anh Hoàng Trọng Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. Long Thành.
- THA H. Long Thành.
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Thị Kim Liên**